|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  1/4/2024 | Tiết theo PPCT | Ngày dạy | Lớp | Tiết | Ghi chú |
| 59 | 9/4/2024 | 9A | 2 |  |
| 9/4/2024 | 9B | 1 |  |
| 9/4/2024 | 9C | 4 |  |
| 11/4/2024 | 9D | 5 |  |
| 60 | 13/4/2024 | 9A | 1 |  |
| 11/4/2024 | 9B | 3 |  |
| 13/4/2024 | 9C | 3 |  |
| 13/4/2024 | 9D | 2 |  |
| 61 | 16/4/2024 | 9A | 2 |  |
| 16/4/2024 | 9B | 1 |  |
| 16/4/2024 | 9C | 4 |  |
| 18/4/2024 | 9D | 5 |  |
| 62 | 20/4/2024 | 9A | 1 |  |
| 18/4/2024 | 9B | 3 |  |
| 20/4/2024 | 9C | 3 |  |
| 20/4/2024 | 9D | 2 |  |
| 63 | 23/4/2024 | 9A | 2 |  |
| 23/4/2024 | 9B | 1 |  |
| 23/4/2024 | 9C | 4 |  |
| 25/4/2024 | 9D | 5 |  |

...............................................................

**CHỦ ĐỀ : TIẾN HÓA**

Thời lượng dạy học: 5 tiết – Theo KHGDNT: Tiết 59,60,61,62,63

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kỹ năng:** Sau khi học xong bài này, học sinh:

***a) Kiến thức***

\* Biết : Trình bày và phân biệt được 2 khái niệm tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn của thuyết tiến hóa tổng hợp, nêu được mối quan hệ giữa tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn.

- Nêu được khái niệm các nhân tố tiến hóa: Quá trình đột biến, di nhập gen, CLTN, giao phối không ngẫu nhiên, các yếu tố ngẫu nhiên.

- Nêu và phân tích được vai trò của từng nhân tố tiến hóa, trong đó CLTN là nhân tố cơ bản nhất, từ đó rút ra được mối quan hệ giữa các nhân tố tiến hóa.

+ Phát biểu được thế nào là hóa thạch, vai trò của bằng chứng hóa thạch trong nghiên cứu sự tiến hóa của sinh giới.

+ Giải thích được những biến đổi về địa chất luôn gắn chặt với sự phát sinh và phát triển của sinh giới trên trái đất như thế nào?

+ Trình bày được đặc điểm địa lí, khí hậu của trái đất qua các kỉ địa chất và những đặc điểm của các loài sinh vật điển hình của các kỉ và đại địa chất.

+ Nêu được các nạn đại tuyệt chủng xảy ra trên trái đất và ảnh hưởng của chúng đối với sự tiến hóa của sinh giới.

Nêu được các đặc điểm giống nhau giữa người hiện đại với các loài linh trưởng đang sinh sống.

\* Hiểu để giải thích được những đặc điểm thích nghi đặc trưng của loài người.

- Giải thích được quá trình hình thành loài người Homo sapiens qua các loài trung gian chuyển tiếp.

- Giải thích được thế nào là tiến hóa văn hóa và vai trò của tiến hóa văn hóa đối với sự phát sinh, phát triển loài người.

\* Vận dụng kiến thức để giải thích một số vấn đề thực tế.

***b. Kĩ năng:***

- Tiếp tục rèn và củng cố kĩ năng thu thập thông tin, xử lí tình huống, hoạt động nhóm...

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh:**

***a, Phẩm chất :*** Yêu gia đình, quê h­ương đất nư­ớc.

- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, môi trư­ờng tự nhiên

- Tự lập, tự tin, có tinh thần v­ượt khó. .

***b, Năng lực chung:***

- Phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề

c, Năng lực chuyên biệt***:***

- Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ sinh học.

- Phát triển năng lực vận dụng kiến thức sinh học vào cuộc sống.

- Phát triển năng lực quan sát.

**II. BẢNG MÔ TẢ CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| Tiến hóa | Trình bày và phân biệt được 2 khái niệm tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn của thuyết tiến hóa tổng hợp, nêu được mối quan hệ giữa tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn.  - Khái niệm các nhân tố tiến hóa: Quá trình đột biến, di nhập gen, CLTN, giao phối không ngẫu nhiên, các yếu tố ngẫu nhiên. | Phân tích được vai trò của từng nhân tố tiến hóa, trong đó CLTN là nhân tố cơ bản nhất, từ đó rút ra được mối quan hệ giữa các nhân tố tiến hóa. | So sánh CLTN và CLNT | Gải thích một số vấn đề thực tế |
| Sự phát triển của sinh giới qua các đại địa chất | Phát biểu được thế nào là hóa thạch, vai trò của bằng chứng hóa thạch trong nghiên cứu sự tiến hóa của sinh giới.  + Trình bày được đặc điểm địa lí, khí hậu của trái đất qua các kỉ địa chất và những đặc điểm của các loài sinh vật điển hình của các kỉ và đại địa chất. | + Giải thích được những biến đổi về địa chất luôn gắn chặt với sự phát sinh và phát triển của sinh giới trên trái đất như thế nào? |  | Gải thích một số vấn đề thực tế |
| Sự phát sinh loài người | Nêu được các đặc điểm giống nhau giữa người hiện đại với các loài linh trưởng đang sinh sống. | \* Hiểu để giải thích được những đặc điểm thích nghi đặc trưng của loài người.  - Giải thích được quá trình hình thành loài người Homo sapiens qua các loài trung gian chuyển tiếp. | - Giải thích được thế nào là tiến hóa văn hóa và vai trò của tiến hóa văn hóa đối với sự phát sinh, phát triển loài người. | Gải thích một số vấn đề thực tế |

**III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP**

Câu 1: Phát biểu nào dưới đây không nằm trong nội dung của học thuyết Đacuyn:

A. Toàn bộ sinh giới ngày nay là kết quả của quá trình tiến hoá từ một nguồn gốc chung

B. Loài mới được hình thành dần dần qua nhiều dạng trung gian, dưới tác dụng của chọn lọc tự nhiên theo con đường phân li tính trạng

C. Chọn lọc tự nhiên tác động thông qua đặc tính biến dị và di truyền đó là nhân tố chính trong quá trình hình thành các đặc điểm thích nghi trên cơ thể sinh vật

D. Ngoại cảnh thay đổi chậm nên sinh vật có khả năng phản ứng phù hợp nên không bị đào thải

Câu 2: Nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của các giống vật nuôi và cây trồng là:

A. Chọn lọc tự nhiên

B. Chọn lọc nhân tạo

C. Các biến dị cá thể xuất hiện phong phú ở vật nuôi, cây trồng

D. Sự phân li tính trạng từ một dạng ban đầu

Câu 3: Theo Đacuyn nguyên nhân của sự tiến hoá là do:

A. Tác động của sự thay đổi ngoại cảnh hoặc tập quán hoạt động ở động vật trong một thời gian dài

B. Tác động trực tiếp của ngoại cảnh lên cơ thể sinh vật trong quá trình phát triển của cá thể và loài

C. Sự củng cố ngẫu nhiên các biến dị trung tính không liên quan với tác dụng của chọn lọc tự nhiên

D. Chọn lọc tự nhiên tác động: thông qua đặc tính biến dị và di truyền của sinh vật

Câu 4: Động lực của chọn lọc tự nhiên là:

A. Nhu cầu, thị hiếu nhiều mặt của con người

B. Các tác nhân của điều kiện sống trong tự nhiên

C. Đấu tranh sinh tồn torng các cơ thể sống

D. Sự đào thải các biến dị không có lợi

Câu 5: Lý do củ sự phát triển ưu thế tuyệt đối của bo sát khổng lồ là

A. Cây có hạt phát triển đa dạng tạo nguồn thức ăn phong phú

B. Do lưỡng cư bị tiêu diệt

C. Do khí hậu lạnh đột ngột

D. Do rừng bị thu hẹp.

Câu 6: Kết quả của giai đoạn tiến hóa tiền sinh học là

A. Tạo ra các cơ thể sinh vật đơn bào rồi đa bào.

B. Tạo ra các cơ thể đa bào.

C. Tạo ra mầm mống của những cơ thể đầu tiên.

D. Tạo ra các cơ chế tự sao chép ở cơ thể sống.

Câu 7: Theo quan niệm của tiến hóa hiện đại thì các mức độ tác dụng của chọn lọc tự nhiên là

A. Giao tử, nhiễm sắc thể, cá thể

B. Nhiễm sắc thể, cá thể, quần thể

C. Dưới cá thể, cá thể, trên cá thể

D. Cá thể, quần thể, quần xã

Câu 8: Những điểm giống nhau giữa người và động vật có vú chứng minh:

A. Quan hệ nguồn gốc của người và động vật có xương sống

B. Động vật có xương sống là tổ tiên trực tiếp của loài người

C. Người có quan hệ với vượn người

D. Người và vượn người là hai hướng tiến hóa khác nhau từ một nguồn gốc tổ tiên

Câu 9: Nội dung không phải là quan niệm của Lamac là:

A. Ơ sinh vật có hai loại biến dị là biến dị xác định và biến dị không xác định.

B. Ngoại cảnh thay đổi chậm chạp nên sinh vật luôn có khả năng thích nghi kịp thời.

C. Trong lịch sử sinh giới, không có loài nào bị đào thải do kém thích nghi.

D. Những biến đổi ở sinh vật do tác dụng của ngoại cảnh hay do tập quán hoạt động đều di truyền.

Câu 10. Nội dung không phải là quan niệm của Lamac là:

A. Ơ sinh vật có hai loại biến dị là biến dị xác định và biến dị không xác định.

B. Ngoại cảnh thay đổi chậm chạp nên sinh vật luôn có khả năng thích nghi kịp thời.

C. Trong lịch sử sinh giới, không có loài nào bị đào thải do kém thích nghi.

D. Những biến đổi ở sinh vật do tác dụng của ngoại cảnh hay do tập quán hoạt động đều di truyền.âu

Câu 11: Thuyết tiến hóa hiện đại bao gồm

A. Thuyết tiến hóa tổng hợp và tiến hóa vi mô

B. Thuyết tiến hóa tổng hợp và tiến hóa vĩ mô

C. Thuyết tiến hóa bằng các đột biến trung tính và tiến hóa vi mô

D. Thuyết tiến hóa tổng hợp và thuyết tiến hóa bằng các đột biến trung tính

Câu 12. Sọ người có đặc điểm gì chứng tỏ tiếng nói phát triển?

A. có cằm. B. không có cằm C. xương hàm nhỏ D. không có răng nanh.

Câu 13. Sau khi tách ra từ tổ tiên chung, nhánh vượn người cổ đại đã phân hoá thành nhiều loài khác nhau, trong số đó có một nhánh tiến hoá hình thành chi Homo. Loài xuất hiện đầu tiên trong chi Homo là

A. Homo habilis B. Homo sapiens

C. Homo erectus D. Homo neanderthalensis.

Câu 14. Vượn người ngày nay bao gồm những dạng nào?

A. Vượn, đười ươi, khỉ. B. Vượn, đười ươi, Gôrila, tinh tinh.

C. Đười ươi, Khỉ Pan, Gôrila. D. Vượn, Gôrila, khỉ đột, Tinh tinh.

Câu 15. Đặc điểm giống nhau giữa người và thú là

A. Có lông mao

B.Có tuyến vú , đẻ con và nuôi con bằng sữa

C.Bộ răng phân hoá thành răng cửa, răng nanh, răng hàm

D.Cả 3 ý trên

Câu 16. Đặc điểm nào là không đúng đối với vượn người ngày nay?

A. Có 4 nhóm máu A, B, AB và O như người

B. Có đuôi

C. Bộ răng gồm 32 chiếc, 5-6 đốt sống cùng

D. Biết biểu lộ tình cảm: vui, buồn, giận dữ

Câu 17. Điểm khác nhau cơ bản trong cấu tạo của vượn người với người là

A. cấu tạo tay và chân. B. cấu tạo của bộ răng.

C. cấu tạo và kích thước của bộ não. D. cấu tạo của bộ xương.

Câu 18. Phát biểu nào dưới đây không nằm trong nội dung của học thuyết Đacuyn:

A. Toàn bộ sinh giới ngày nay là kết quả của quá trình tiến hoá từ một nguồn gốc chung

B. Loài mới được hình thành dần dần qua nhiều dạng trung gian, dưới tác dụng của chọn lọc tự nhiên theo con đường phân li tính trạng

C. Chọn lọc tự nhiên tác động thông qua đặc tính biến dị và di truyền đó là nhân tố chính trong quá trình hình thành các đặc điểm thích nghi trên cơ thể sinh vật

D. Ngoại cảnh thay đổi chậm nên sinh vật có khả năng phản ứng phù hợp nên không bị đào thải

Câu 19. Phát biểu nào sau đây là không đúng với quan niệm tiến hoá hiện đại?

A. Sinh giới đã tiến hoá từ các dạng đơn bào đơn giản đến đa bào phức tạp

B. Mỗi loài đang tồn tại đều thích nghi ở một mức độ nhất định với môi trường

C. Tốc độ tiến hoá hình thành loài mới ở các nhánh tiến hoá khác nhau là không như nhau

D. Loài người hiện đại là loài tiến hoá siêu đẳng,thích nghi và hoàn thiện nhất trong sinh giới

Câu 20. Những điểm khác nhau giữa người và vượn người chứng minh

A. tuy phát sinh từ 1 nguồn gốc chung nhưng người và vượn người tiến hoá theo 2 hướng khác nhau.

B. người và vượn người không có quan hệ nguồn gốc.

C. vượn người ngày nay không phải là tổ tiên của loài người.

D. người và vượn người có quan hệ gần gũi.

Câu 21 Những điểm giống nhau giữa người và vượn người chứng minh

A. người và vượn người có quan hệ rất thân thuộc

B. quan hệ nguồn gốc giữa người với động vật có xương sống

C. vượn người ngày nay không phải tổ tiên của loài người

D. người và vượn người tiến hoá theo 2 hướng khác nhau

**IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | Thời lượng | Thời điểm | Thiết bị dạy học, học liệu | Ghi chú |
| Tiến hóa | Dạy học cả lớp | 1 tiết |  | Máy chiếu, phiếu học tập |  |
| Sự phát triển của sinh giới qua các đại địa chất | 2 tiết |  |  |
| Sự phát sinh loài người | 1 tiết |  |  |
| Luyện tập, kiểm tra | 1 tiết |  |  |  |

**V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Hoạt động khởi động (5 phút)**

- Yêu cầu HS dự đoán về nguồn gốc loài người? Chứng minh bằng hiểu biết.

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về quan niệm tiến hóa và nguồn nguyên liệu tiến hóa.** | | |
| - GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tintrên máy tính:  ?Giải thích tên gọi của thuyết tiến hóa tổng hợp?  ? Tiến hóa nhỏ là gì? Tại sao quần thể được xem là đơn vị tiến hóa cơ sở?  ?Kể tên các giai đoạn tiến hóa nhỏ và thiết lập mối quan hệ giữa chúng bằng một sơ đồ?  ?Tiến hóa lớn là gì? Nêu mối quan hệ giữa tiến hóa lớn và tiến hóa nhỏ?  ?Nguyên liệu của quá trình tiến hóa là gì?  ? Nguồn biến dị của quần thể có phải là tổng hợp tất cả các biến dị phát sinh ở các cá thể trong quần thể không? Nó bao gồm những biến dị nào?- GV yêu cầu HS  - GV nhận xét,chốt lại đáp án. | - HS: Nghiên cứu thông tin để trả lời.  HS: Nghiên cứu thông tin trên máy tính thảo luận nhóm để trả lời.  HS: Sơ đồ:  QT ban đầu->Thay đổi thành phần KG  CLTN C.li SS  ---------->CTDT mới thích nghi--------- ->  Loài mới.  - Đại diện HS trả lời, các HS khác theo dõi, nhận  xét, bổ sung. | |
| **Kết luận:**  **I. QUAN NIỆM TIẾN HÓA**  1. Tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn.  a. Tiến hóa nhỏ:  - Thực chất: Là quá trình biến đổi cấu trúc di truyền của quần thể (biến đổi về tần số tương đối của các alen và thành phần kiểu gen của quần thể), xuất hiện sự cách li sinh sản với quần thể gốc, kết quả dẫn đến sự hình thành loài mới.  - Qui mô: Nhỏ (phạm vi một loài).  QuẦN thể là đơn vị tiến hóa.  b. Tiến hóa lớn:  - Thực chất: Tiến hóa lớn là quá trình biến đổi trên qui mô lớn, trải qua hàng triệu năm, hình thành các nhóm phân loại trên loài.  - Qui mô: Lớn (nhiều loài).  \* Mối quan hệ giữa tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn: Cơ sở của quá trình hình thành các nhóm phân loại trên loài (tiến hóa lớn) là quá trình hình thành loài mới (tiến hóa nhỏ). | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **Hoạt động 2: Các nhân tố tiến hóa, chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo.** | |
| - GV: Một quần thể có 100 cá thể trong đó tỉ lệ kiểu gen như sau: 60 AA + 3Aa + 10aa  ? Theo em những tình huống nào có thể làm thay thành phần kiểu gen trong quần thể trên? Giải thích?  - GV nhận xét, chôt kiến thức: Đột biến, di nhập gen, chọn lọc tự nhiên, giao phối ngẫu nhiên...  ? CLTN có vai trò như thế nào đối với quá trình tiến hóa? Thuyết tiến hóa hiện đại quan niệm về CLTN như thế nào?  ? Cụ thể thực chất của CLTN là gì?  ? CLTN là chọn lọc những kiểu gen hay kiểu hình?  ? Kết quả của CLTN, tốc độ của CLTN?  ? Tại sao chọn lọc chống lại alen trội lại diễn ra với tốc độ nhanh hơn chọn lọc chống lại alen lặn?  ? Chọn lọc nhân tạo là gì?  -GV: Nhận xét, bổ sung để hoàn thiện kiến thức. | - HS quan sát bài tập, tự suy nghĩ trả lời.  Đại diện HS trả lời, lớp nhận xét, bổ sung.  HS: Nghiên cứu thông tin SGK, thảo luận nhóm và trả lời. |
| Kết luận: II. **CÁC NHÂN TỐ TIẾN HÓA**  1. Đột biến:  2. Di nhập gen:  3. Chọn lọc tự nhiên:  - CLTN thực chất là quá trình phân hóa về mức độ thành đạt sinh sản của các cá thể với những kiểu gen khác nhau.  - CLTN tác động trực tiếp lên kiểu hình và gián tiếp làm biến đổi tần số kiểu gen  tần số alen của QT theo 1 hướng xác định. (CLTN là 1 NTTH có hướng).  - Tốc độ CLTN tùy thuộc vào nhiều :  + Chọn lọc chống lại alen trội.  + Chọn lọc chống lại alen lặn.  - Kết quả của CLTN: Trong quần thể có nhiều kiểu gen thích nghi.  4. Các yếu tố ngẫu nhiên:  5. Giao phối không ngẫu nhiên: | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **Hoạt động 3: Sự phát triển của sinh giới qua các đại địa chất** | |
| *1. Vai trò của các hóa thạch trong nghiên cứu lịch sử phát triẻn của sinh giới.*  - GV: cho HS quan sát tranh ảnh về các hóa thạch. Hóa thạch là gì? Thường gặp những loại hóa thạch nào?  -GV: Nhận xét và bổ sung về sự hình thành hóa thạch.  ?Hóa thạch có vai trò như thế nào trong việc nghiên cứu lịch sử phát triển của sinh giới? Có những phương pháp nào để tính tuổi của các lớp đất và hóa thạch?  - GV: Nhận xét, bổ sung và hoàn thiện kiến thức.  *2. Lịch sử phát triển của sinh giới qua các đại địa chất.*  ? Thế nào là hiện tượng trôi dạt lục địa?  ? Hiện tượng trôi dạt lục địa ảnh hưởng nhe thế nào đến sự tiến hóa của các sinh giới?  -GV: Nhận xét, bổ sung để hoàn thiện kiến thức. Hiện tượng trôi dạt lục địa dẫn đến thay đổi rất mạnh về điều kiện khí hậu của Trái đất, dẫn đến sự tuyệt chủng của hàng hoạt các loài và sau đó là sự bùng nổ phát sinh các loài mới.  ? Căn cứ vào đâu để phân định các mốc thời gian địa chất?  ?Lịch sử phát triển của sinh giới được phân chia thành các niên đại như thế nào?  ?Mỗi niên đại có đặc điểm địa chất khí hậu và đặc điểm của các sinh giới như thế nào?  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | - Cá nhân hs quan sát hình vẽ, đọc thông trên máy chiếu. Đại diện HS trả lời, lớp nhận xét bổ sung.  - Cá nhân hs đọc thông trên máy chiếu. Đại diện HS trả lời, lớp nhận xét bổ sung.  HS: Nghiên cứu bảng “Sự phát triển của sinh vật qua các đại địa chất” do giáo viên cung cấp, thảo luận và rút ra những đặc điểm chính về địa chất khí hậu và đặc điểm của sinh giới trong từng niên đại. |

**Kết luận:**

**I. HÓA THẠCH VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC HÓA THẠCH TRONG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA SINH GIỚI.**

1. Hóa thạch.

- Hóa thạch là di tích của các sinh vật lại trong các lớp đất đá của vỏ Trái đất.

- Di tích của sinh vật để lại dưới dạng: các bộ xương, những dấu vết của sinh vật để lại trên đá, xác nguyên vẹn…..

thể như xương, vỏ đá vôi…

2. Vai trò của hóa thạch trong nghiên cứu lịch sử phát triển của sinh giới.

- Hóa thạch cung cấp những bằng chứng trực tiếp về lịch sử phát triển của sinh giới

+ Căn cứ vào tuổi của hóa thạch, có thể xác định được loài nào xuất hiện trước, loài nào xuất hiên sau và quan hệ họ hàng giữa các loài.

+ Phương pháp xác định tuổi các hóa thạch: Phân tích các đòng vị có trong hóa thạch hoặc đồng vị phóng xạ có trong các lớp đất đá chứa hóa thạch. VD: SGK.

**II. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA SINH GIỚI QUA CÁC ĐẠI ĐỊA CHẤT.**

1. Hiện tượng trôi dạt lục địa:

- Lớp vỏ của trái đất không phải là một khối thống nhất mà được chia thành những vùng riêng biệt được gọi là các phiến kiến tạo.

Các phiến kiến tạo liên tục di chuyển do lớp dung nham nóng bỏng chảy bên dưới chuyển động. Hiện tượng di chuyển của các lục địa như vậy gọi là hiện tượng trôi dạt lục địa.

- Trôi dạt lục địa dẫn đến thay đổi rất mạnh điều jiện khí hậu của Trái Đất, dẫn đến những đợt đại tuyệt củng hàng loạt các loài và sau đó là thời điểm bùng nổ sự phát sinh các loài mới.

2. Sinh vật trong các đại địa chất:

a. Căn cứ để phân định các mốc thời gian địa chất:

- Những biến đổi lớn của lịch sử địa chất.

- Những thay đổi về thành phần giới hữu sinh (hóa thạch điển hình).

b. Đặc điểm địa chất khí hậu, sự sống ở các đại địa chất:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **Hoạt động 4: Sự phát sinh loài người.** | |
| *1: Quá trình hình thành loài người hiện đại.*  -GV: Yêu cầu HS đưa ra các bằng chứng chứng tỏ nguồn gốc động vật của loài người?  - Điểm giống nhau giữa người và linh trưởng (qua bảng do giáo viên cung cấp)  ?Giải thích sơ đồ cây phát sinh chủng loại của bộ linh trưởng? Từ đó rút ra kết luận về mối quan hệ giữa người và các loài linh trưởng?  ? Liệt kê thứ tự 8 loài trong chi Homo? Loài tồn tại lâu nhất? Những loài đã bị tuyệt diệt? Thời gian tồn tại của những loài này?  - Cho biết nội dung các giả thuyết về địa điểm phát sinh loài người?  - GV: Nhận xét, bổ sung và kết luận kiến thức cơ bản.  *2: Tìm hiểu người hiện đại và sự tiến hóa văn hóa.*  ? Những đặc điểm thích nghi nào giúp con người có được khả năng tiến hóa văn hóa?  - Phân biệt tiến hóa sinh học với tiến hóa văn hóa?  - Kết quả của quá trình tiến hóa văn hóa ở người có ý nghĩa như thế nào?  - GV: Nhận xét, bổ sung hoàn thiện kiến thức | - Đại diện HS trình bày, các HS khác nhận xét..  - HS tư duy, tự suy nghĩ trả lời câu hỏi. |

**Kết luận:**

**I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LOÀI NGƯỜI HIỆN ĐẠI.**

1. Bằng chứng về nguồn gốc động vật của loài người.

- Bằng chứng giải phẫu so sánh: Bộ xương chia 3 phần (đầu, mình, chi).

- Bằng chứng phôi sinh học so sánh: Sự phát triển phôi người tái hiện nhiều đặc điểm động vật (có mang ở cổ, có đuôi ...).

- Bằng chứng tế bào học và sinh học phân tử: ADN người giống ADN tinh tinh tới 98%.

- Hiện tượng lại tổ, cơ quan thoái hóa ...

 Kết luận: Người có nguồn gốc từ động vật.

2. Các dạng vượn người hóa thạch và quá trình hình thành loài người.

- Loài xuất hiện sớm nhất trong chi Homo là H.habilis (người khéo léo), sau đó tiến hóa thành nhiều loài khác trong đó có H.erectus (người đứng thẳng), từ H.erectus hình thành nên loài người hiện nay H.sapiens (người thông minh).

- Trong chi Homo đã phát hiện hóa thạch 8 loài khác nhau, chỉ có duy nhất loài người hiện nay còn tồn tại.

- Loài người hiện đại sinh ra ở châu Phi rồi phát tán sang các châu lục khác

**II. NGƯỜI HIỆN ĐẠI VÀ SỰ TIẾN HÓA VĂN HÓA.**

- Những đặc điểm thích ngh giúp con người có khả năng tiến hóa văn hóa: Dáng đi thẳng, bộ não phát triển, cấu trúc thanh quản phát triển cho phép phát triển tiếng nói, bàn tay có các ngón tay linh hoạt giúp chế tạo và sử dụng công cụ…

- Kết quả của quá trình tiến hóa văn hóa: Con người biết sử dụng lửa để nấu chín thức ăn cũng như xua đuổi vật dữ, tự chế tạo ra quần áo, lều trú ẩn, biết trồng trọt và thuần dưỡng vật nuôi, phát triển nghề nông, làng mạc và đô thị xuất hiện….

- Như vậy, nhờ có tiến hóa văn hóa mà con người trở thanh loài thống trị trong tự nhiên, làm chủ khoa học kĩ thuật, có ảnh hưởng đến nhiều loài khác và có khả năng điều chỉnh hướng tiến hóa của chính mình.

**C. Hoạt động luyện tập**

- Gv yêu cầu hs vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các kiến thức cơ bản của chủ đề.

**D. Hoạt động vận dụng**

**So sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo**

**Đáp án:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vấn đề phân biệt** | **Chọn lọc tự nhiên** | **Chọn lọc nhân tạo** |
| 1 | Tiến hành | Do môi trường sống | Do con người thực hiện |
| 2 | Đối tượng | Các sinh vật trong tự nhiên | Các vật nuôi và cây trồng |
| 3 | Nguyên liệu của chọn lọc | Tính biến dị và di truyền của sinh vật. | Tính biến dị và di truyền của sinh vật. |
| 4 | Nội dung của chọn lọc | Đào thải các biến dị bất lợi, tích lũy các biến dị có lợi cho sinh vật. | Đào thải các biến dị bất lợi, tích lũy các biến dị có lợi phù hợp với mục tiêu của con người. |
| 5 | Thời gian | Tương đối dài | Tương đối ngắn |
| 6 | Động lực của chọn lọc | Đấu tranh sinh tồn của sinh vật. | Nhu cầu về kinh tế và thị hiếu của con người. |
| 7 | Kết quả của chọn lọc | Sự tồn tại những cá thể thích nghi với hoàn cảnh sống. | Vật nuôi, cây trồng phát triển theo hướng có lợi cho con người. |
| 8 | Vai trò của chọn lọc | Nhân tố chính quy định chiều hướng, tốc độ biến đổi của sinh vật, trên quy mô rộng lớn và lịch sử lâu dài, tạo ra sự phân li tính trạng, dẫn tới hình thành nhiều loài mới qua nhiều dạng trung gian từ một loại ban đầu. | – Nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của các giống vật nuôi, cây trồng.  – Giải thích vì sao mỗi giống vật nuôi, cây trồng đều thích nghi cao độ với nhu cầu xác định của con người. |

**E. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

- Tìm hiểu thêm trên Internet những vấn đề: Nguồn gốc loài, thuyết tiến hóa của Dacuyn và Lamac; các đại địa chất qua các thời kì.

**VI. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ, PHÂN TÍCH, NHẬN XÉT VÀ RÚT RA KINH NGHIỆM**

**A. Kiểm tra**

**1. Đề kiểm tra (Sử dụng hệ thống câu hỏi ở trên)**

**2. Thống kê kết quả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Điểm | 1;2;3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | % >5 |
| 9A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9C |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9D |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**B. Phân tích, nhận xét, rút kinh nghiệm**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................